

Bản án số: 17/2018/HS-ST

Ngày: 24/4/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu Giang
- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Quốc Doanh
+ Ông Nguyễn Văn Tiễn
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương
- Đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Khiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/HSST-QĐ ngày 10/4/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn H; Tên gọi khác: không có; giới tính: nam.

Sinh năm: 1992; nơi sinh: thôn HT, xã VK, huyện VG, tỉnh HY.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn HT, xã VK, huyện VG, tỉnh HY.

Trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố: Lê Văn H; SN: 1963; ở xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Mẹ: Đỗ Thị D; SN 1966; ở xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Gia đình có 02 chị em, H là con út

Vợ: Nguyễn Thị T, SN 1991;

Tiền án: Ngày 24/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2017, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa,

Người bị hại:

- Chị Trần Thị T, sinh năm: 1984

- Chị Đinh Thị O, sinh năm: 1997

Đều trú tại: Thôn ĐK, xã VK, huyện VG, tỉnh HY

Người tham gia tụng khác:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn HT, xã LĐ, huyện VL, tỉnh HY.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958.

- Ông Lê Xuân T2, sinh năm: 1964.

- Chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1995.

Đều trú tại: Thôn ĐK, xã VK, huyện VG, tỉnh HY.

- Anh Nguyễn Thế V, sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn HT, xã LĐ, huyện VL, tỉnh HY.

- Anh Lê Văn D, sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn TĐ, xã MH, huyện VL, tỉnh HY.

Tại phiên tòa người làm chứng ông Lê Xuân T2 có mặt, những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào trưa ngày 14/11/2017, Lê Văn H, sinh năm: 1992, HKTT: thôn HT, xã VK, huyện VG, đi xe đạp của gia đình đến thôn ĐK, xã VK với mục đích tìm gia đình nào để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Đi đến khu nhà trọ của gia đình chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965 ở thôn ĐK, thấy cửa cổng mở, H để xe đạp bên ngoài cổng rồi đi bộ vào trong khu phòng trọ quan sát. Nhìn thấy trước cửa phòng trọ của chị Đinh Thị O, sinh năm: 1997, HKTT: thôn 1, xã HH, huyện HH, tỉnh TH (thuê trọ tại nhà chị H) để chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng, biển số 36B5-726.07. Thấy cửa phòng trọ của chị O mở, H đi vào trong phòng nhìn thấy chị O đang ngủ cùng con nhỏ, tìm trong phòng không thấy có tài sản gì có giá trị. Thấy trên bàn máy vi tính có chiếc chìa khóa xe máy, H lấy chiếc chìa khóa xe máy cất vào túi quần, rồi đi ra cổng, mang xe đạp đến nhà ông Lê Xuân T2, sinh

năm: 1964 ở thôn ĐK gửi. Sau khi gửi xe đạp, H quay lại phòng trọ của chị O, dùng chìa khóa vừa lấy được mở khóa điện chiếc xe máy của chị O, nổ máy đi đến nhà Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1986 ở thôn ĐM, xã CĐ, huyện VL, tỉnh HY. H nói với Đ: anh cầm cho em con xe này lấy một triệu và một triệu ma túy đá; Đ đồng ý và đưa cho H 1.000.000đ cùng với 02 gói ma túy đá. H thuê taxi chở về nhà sử dụng hết số ma túy mua của Đ; đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H đến nhà ông T2 lấy xe đạp đi về nhà. Sau đó, vào các ngày 15, 16/11/2017, H tiếp tục đến nhà Đ thỏa thuận với Đ lấy 500.000đ tiền mặt và 1.000.000đ ma túy đá. Tất cả tính vào tiền cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển số: 36B5-726.07. Số tiền và ma túy có được từ việc cầm cố xe máy H đã sử dụng hết.

Sau khi bị mất trộm xe máy, chị Đinh Thị O đã gửi đơn trình báo đến Công an xã VK, huyện VG.

Vụ thứ hai:

Vào trưa ngày 15/12/2017, H đi xe đạp của gia đình đến thôn ĐK, xã VK tìm xem có gia đình nào để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 12 giờ cùng ngày, đi đến trước cổng nhà chị Trần Thị T, sinh năm: 1984 ở thôn ĐK, thấy cửa cổng và cửa nhà mở, ở sân dựng chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn vàng, biển số: 89K1-104.71. H dựng xe đạp bên ngoài cổng, đi vào phòng khách nhà chị T để trộm cắp tài sản, nhưng không thấy có tài sản gì giá trị. Thấy trên kệ ti vi có một chùm chìa khóa, trong đó có chìa khóa xe máy, H lấy chùm chìa khóa cất vào túi áo khoác, mục đích để sử dụng trộm cắp chiếc xe máy của chị T. H mang xe đạp đến nhà bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958 ở thôn ĐK, xã VK gửi rồi đi bộ quay lại sân nhà chị T, dùng chìa khóa xe máy vừa lấy được mở khóa cổ, khóa điện xe máy, nổ máy đi đến nhà bạn là Lê Văn D, sinh năm: 1990 ở thôn TĐ, xã MH, huyện VL, tỉnh HY. H nói với D: “em đang cần tiền có việc, anh xem có ai không cầm cho em chiếc xe này”. D hỏi xe của ai, H nói là xe của nhà H, D đồng ý đi cầm cố xe hộ H; D bảo H chở đến nhà Nguyễn Hữu Đ. D nói với Đ: “xem cầm cho thằng em chiếc xe máy lấy năm triệu”, Đ nói chỉ cầm được 3.000.000đ; H đồng ý và bảo Đ đưa cho 2.000.000đ, còn 1.000.000đ mua ma túy của Đ. Đ đưa cho H 2.000.000đ và mua 4 gói ma túy đá. H bỏ ra 01 gói ma túy, cùng với D và Đ sử dụng tại nhà Đ. Sau đó, H thuê taxi cùng với D đi đến địa bàn tỉnh BN tìm chỗ cầm cố xe máy để lấy nhiều tiền hơn, nhưng không tìm được. Khoảng 17 giờ cùng ngày, H và D đi về đến cổng làng thôn ĐM, xã CĐ, D gọi điện bảo Đ mang xe máy ra cho H để D và H đi cầm chỗ khác lấy tiền trả Đ. Khoảng 5 phút sau có một người nam giới khoảng 30 tuổi (chưa xác định được lai lịch), đi chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead, biển số: 89K1-104.71 đến cổng làng ĐM gặp D và H. Người này nói là bạn của Đ, mang xe đi cầm cùng với H và D để lấy tiền về cho Đ. D bảo người đàn ông này chở D và H đến nhà anh Nguyễn Thế V, sinh năm: 1990 ở thôn HT, xã LĐ, huyện VL để cầm cố xe, nhưng anh V không nhận cầm cố. D nói với anh V có biết ai nhận cầm cố xe máy thì nhờ cầm hộ D. Anh V gọi điện cho anh Nguyễn Văn T1,

sinh năm: 1983 ở cùng thôn nhưng anh T1 không nghe máy. Một lúc sau, anh T1 đến nhà anh V, D và H thỏa thuận cầm cố chiếc xe máy Honda Lead, biển số: 89K1-104.71 cho anh T1 với giá 5.000.000đ trong thời hạn 01 tuần. Anh T1 hỏi nguồn gốc của chiếc xe, thì D nói là xe nhà H. Anh T1 đưa cho D 4.500.000đ (trừ 500.000đ tiền lãi 01 tuần); D cầm tiền đưa cho H. H đưa cho bạn của Đ 3.000.000đ để trả cho Đ; số tiền còn lại H mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H quay lại nhà bà L lấy xe đạp đi về nhà.

Ngày 15/12/2017, chị Trần Thị T và chồng là anh Đặng Văn H gửi đơn trình báo sự việc mất trộm xe máy đến Công an xã Vĩnh Khúc.

Ngày 20/12/2017. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang bắt tạm giam Lê Văn H.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSVG ngày 29/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt người bị hại, người làm chứng. bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, công nhận bản cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang là đúng.

Người bị hại chị Trần Thị T, chị Đinh Thị O vắng mặt tại phiên tòa, song tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: chị T, chị O đã được nhận lại xe mô tô bị mất trộm, không yêu cáo bị cáo phải bồi thường gì, đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa, song tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh Thừa yêu cầu Hiệp bồi thường số tiền 4.500.000đ đã nhận của anh khi mang cầm cố chiếc xe Honda Lead, BKS: 89K1-104.71.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa có quan điểm xác định sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng tới việc xét xử bị cáo và quyền lợi của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh tội phạm, phân tích tính nguy hiểm của tội phạm do bị cáo gây ra, hậu quả của hành vi đối với xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; Điều 38; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g,h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giam 20/12/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo H trả anh Nguyễn Văn T1 4.500.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 105.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Văn Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đề nghị xét xử vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong vụ án, HĐXX thấy rằng: Quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có đầy đủ lời khai, thể hiện rõ quan điểm của mình nên việc vắng mặt họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như đối với quyền lợi của họ. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2].Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14/11/2017, tại nhà trọ của bà Nguyễn Thị H ở thôn ĐK, xã VK, huyện VG, Lê Văn H đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển số 36B5-726.07 của chị Đinh Thị O sinh năm: 1997, HKTT: thôn 1, xã HH, huyện HH, tỉnh TH, mang cầm cố cho Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1986 ở thôn ĐM, xã CD, huyện VL, tỉnh HY lấy 3.500.000đ, mua ma túy của Đ hết 2.000.000đ, số còn lại tiêu xài hết. Đến ngày 15/12/2017, tại nhà chị Trần Thị T, sinh năm: 1984 ở thôn ĐK, xã VK, H tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp của chị T chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead, biển số: 89K1-104.71 rồi nhờ Lê Văn D sinh năm: 1990 ở thôn TĐ, xã MH, huyện VL mang cầm cố cho Nguyễn Hữu Đ lấy 3.000.000đ, mua ma túy của Đ để sử dụng hết 1.000.000đ, số còn lại ăn tiêu hết. Sau đó, H cùng D mang chiếc xe này cầm cố cho anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1983 ở thôn HT, xã LĐ huyện VL lấy 4.500.000đ, trả cho Đ 3.000.000đ, số còn lại mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi trộm cắp chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị còn lại là 17.000.000đ và 25.000.000đ, tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 42.000.000đ nên hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3].Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được luật hình sự bảo vệ, gây mất lòng tin và ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong đông đảo quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải đưa ra xét xử kịp thời, áp dụng một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra mới đảm bảo giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành, tại thời điểm xét xử bị cáo Bộ luật hình sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành nhưng các điều khoản về tội phạm này quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 không có lợi cho bị cáo. Căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

[4].Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Năm 2014 Lê Văn H bị TAND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 1 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, án phí, chưa thi hành trách nhiệm bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Bị cáo thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành

tội phạm, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều Điều 48 BLHS năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999..

Ngoài 02 hành vi phạm tội nêu trên, H còn khai nhận, trước thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển số: 36B5-726.07, H còn thực hiện hành vi trộm cắp 02 chiếc điện thoại di động loại máy đen trắng của một nhà dân ở thôn ĐK, xã VK. H đã bán 02 chiếc điện thoại này lấy tiền tiêu xài nhưng không nhớ địa điểm cụ thể đã trộm cắp, không nhớ người mua và số tiền đã bán được. Hai hành vi này của bị cáo chưa đủ căn cứ để xử lý trong vụ án này, đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ nếu có căn cứ xử lý sau.

Đối với Lê Văn D, khi được Lê Văn H nhờ mang chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead, biển số: 89K1-104.71 đi cầm cố hộ, H nói chiếc xe này của gia đình H. D không biết chiếc xe này do H phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn T1 khi nhận cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead, biển số: 89K1-104.71 từ Lê Văn H, anh T1 không biết chiếc xe này do Hiệp phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị L, khi cho Lê Văn H gửi xe đạp, ông T2, bà L không biết H gửi xe để đi trộm cắp tài sản nên không xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Văn H và Lê Văn D ngày 15/12/2017, Công an huyện Văn Giang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H và D là phù hợp.

Đối với Nguyễn Hữu Đ, hiện nay không có mặt tại địa phương nên chưa có đủ căn cứ làm rõ hành vi nhận cầm cố xe máy và bán ma túy cho Lê Văn H. Các hành vi trên của Đ xảy ra tại địa bàn huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang đã gửi công văn trao đổi để Công an huyện Văn Lâm xử lý theo thẩm quyền.

[5]. Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, HĐXX xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nhưng bị cáo không coi đó là bài học để tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật, khó giáo dục, cải tạo của bị cáo vì vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang là có căn cứ, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học ngăn ngừa tội phạm chung cho mọi người.

[6]. Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại chị Trần Thị T, chị Đinh Thị O đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu về dân sự.

Số tiền 4.500.000đ bị cáo nhận của anh T1 khi cầm cố chiếc xe mô tô Honda Lead, biển số: 89K1-104.71 bị cáo đã tiêu sài hết, anh T1 yêu cầu bị cáo trả anh số tiền này, yêu cầu của anh T1 có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền 2.500.000đ và ma túy bị cáo nhận của Nguyễn Hữu Đ khi cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 36B5-726.07 do anh Đ không có mặt tại địa phương, chưa xác minh làm rõ được nên không xử lý trong vụ án này.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Ngày 23/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Trần Thị T chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead biển số 89K1-104.71; trả lại cho chị Đinh Thị O chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển số 36B5-726.07 là đúng pháp luật.

Đối với chiếc xe đạp bị can H sử dụng làm phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của ông Lê Văn H (bố bị cáo H), ông H không biết Hiệp dùng xe để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang không thu giữ là đúng pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại Nokia 105 thu giữ của H, bị cáo sử dụng chiếc điện thoại này liên lạc với Đ để cầm cố xe máy trộm cắp được và mua ma túy nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9]. Về án phí: Bị cáo Lê Văn H phải chịu án phí tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội ; Điều 357; Điều 468, Điều 584; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử phạt:

Bị cáo Lê Văn H 02(hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/12/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự :

Buộc bị cáo Lê Văn H phải trả anh Nguyễn Văn T1 số tiền 4.500.000đ.

Kể từ khi anh T1 có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ về khoản tiền bị cáo phải bồi thường trả anh T1, nếu bị cáo không thi hành, bị cáo sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại Nokia 105.

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Văn Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang ngày 04 tháng 4 năm 2018).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên.
- VKSND huyện Văn Giang.
- Công an huyện Văn Giang.
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Văn Giang.
- UBND xã Vĩnh Khúc, h. Văn Giang
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Vũ Thu Giang